TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B V - TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 225/2024/HNGĐ - ST Ngày 20 tháng 06 năm 2024. V/v: "L*y hôn*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Thưởng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

+ Ông **Nguyễn Đại Huy.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V tham gia phiên toà: Bà **Cấn Thùy Dung**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 06 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp: "*Hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXX- ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐ - HPT ngày 27/05/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1988.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã B Tr, Huyện B V, thành phố Hà Nội.

(*Anh T có mặt tại phiên tòa*)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1992.

Nơi ĐKHKTT: Thôn 1, xã B Tr, huyện B V, thành phố Hà Nội.

(Chị V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và bản tự khai ngày 08/3/2024 anh Vũ Văn T trình bày như sau: Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị V tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã H Qg, huyện Ứ H, thành phố Hà Nội ngày 30/7/2011. Sau khi kết hôn hai vợ, chồng anh T về chung sống với nhau ngay tại nhà anh T tại: Thôn 1, xã B Tr, Huyện B V, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ, chồng hạnh phúc được thời gian 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng do tính tình không hợp nhau nên cuộc sống vợ, chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, hai vợ, chồng không có sự chia sẻ và cảm thông cho nhau nên cuộc sống vợ, chồng chung sống không hạnh phúc. Chị V thường xuyên đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà nên vợ, chồng không có tình cảm với nhau. Hai vợ, chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 03 năm 2021 cho đến nay.

Nay anh T xác định tình cảm vợ, chồng giữa anh T và chị V không còn, anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện B V giải quyết cho anh T được ly hôn chị V để giải phóng cho anh T.

* Về con chung: Thời gian anh T và chị V chung số với nhau vợ, chồng có 02 con chung: Cháu Vũ Thị Thu Gi, sinh ngày 10/6/2012, cháu Vũ Trường S, sinh ngày 11/01/2014, hiện nay 02 con chung đang ở với anh T. Giải quyết ly hôn anh T đề nghị Tòa án nhân dân Huyện B V giao cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi tròn đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh T không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

* Về tài sản riêng: Không có.

* Về tài sản chung, công sức chung: Không có.

* Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện B V đã tiến hành triệu tập và gửi thông báo thụ lý vụ án cho chị Nguyễn Thị V nhưng chị V không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án đã xuống trực tiếp địa phương xã B Tr để xác minh, làm việc. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã B Tr, huyện B V, thành phố Hà Nội. Anh T và chị V có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã H Q, huyện Ứ H, thành phố Hà Nội năm 2011. Sau khi hai anh, chị đăng ký kết hôn thì về chung sống với nhau ngay tài nhà anh T tại: Thôn 1, xã B Tr, Huyện B V, thành phố Hà Nội. Cuộc sống hôn nhân vợ, chồng anh T, chị V sống hạnh phúc với nhau đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn vợ, chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn

vợ, chồng cụ thể thế nào thì địa phương không nắm rõ. Từ năm 2021 cho đến nay chị V thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về thăm con và gia đình. Anh T ở nhà một mình nuôi dưỡng 2 con, anh T, chị V sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay anh T có đơn yêu cầu ly hôn chị V đề nghị Tòa án nhân dân Huyện B V giải quyết vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật để giải phóng cho hai bên. Về con chung: Vợ, chồng anh T, chị V có 02 con chung: Cháu Vũ Thị Thu Gi, sinh ngày 10/6/2012, cháu Vũ Trường S, sinh ngày 11/01/2014. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án do chị V không có mặt tại Tòa án nhân dân Huyện B V. Nên Tòa án nhân dân Huyện B V đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật tại: Nhà văn hóa thôn 1, xã B Tr, tại trụ sở UBND xã B Tr và tại trụ sở TAND huyện B V đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Vũ Văn T giữ nguyên quan điểm về hôn nhân, con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện VKSND huyện B V phải biểu quan điểm: Về việc tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân Huyện B V đối với các đương sự: Quá tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký và Hội Đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Văn T. Cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị V. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu Vũ Thị Thu Giang, sinh ngày 10/6/2012, cháu Vũ Trường Sơn, sinh ngày 11/01/2014 cho anh Vũ Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V cho đến khi anh T có yêu cầu. Tài sản riêng, chung, công sức, công nợ chung: Chưa giải quyết. Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1].Về tố tụng: Anh Vũ Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị V có hộ khẩu trường trú tại: Thôn 1, xã B Tr, huyện B V, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35, điểm b, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện B V, thành phố Hà Nội. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị V vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị V theo luật định.

[2]. Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị V là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H Q, huyện Ứ H, thành phố Hà Nội ngày 30/7/2011. Sau khi kết hôn anh T và chị V về chung sống với nhau ngay tại nhà anh T ở tại: Thôn 1, xã B Tr, Huyện B V, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ, chồng hạnh phúc được thời gian 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng là do tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ, chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau do đó chị V thường xuyên bỏ đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà nên cuộc sống chung của vợ, chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ, chồng trầm trọng từ tháng 08/2021 anh T và chị V đã sống ly thân và cắt đứt mọi tình cảm vợ từ đó đến nay. Từ năm 2021 đến nay anh T và chị V không tìm ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ, chồng. Do vậy Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định mâu thuẫn vợ, chồng giữa anh T và chị V trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ, chồng giữa anh T và chị V không thể tiếp tục duy trì. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn chị V để giải phóng cho anh T.

2.2. Về con chung: Có 02 con chung: Cháu Vũ Thị Thu Gi, sinh ngày 10/6/2012, cháu Vũ Trường S, sinh ngày 11/01/2014. Thời gian chị V bỏ đi làm ăn vắng nhà anh T là người trực tiếp nuôi dương, chăm sóc 02 con chung. Mặt khác cháu Vũ Thị Thu Gi và cháu Vũ Trường S hiện nay đã trên bảy tuổi, cả hai cháu đều có nguyện vọng tiếp tục được ở với bố là anh T. Do vậy hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung của anh T. Giao cho anh Vũ Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Vũ Thị Thu Gi, sinh ngày 10/6/2012 và cháu Vũ Trường S, sinh ngày 11/01/2014 đến khi tròn đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Văn T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị V do vậy Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V cho đến khi anh T có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay rồi khác.

2.3.Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Theo anh T khai xác định không có. Tuy nhiên hiện nay chị V vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân Huyện B V giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay

do vậy hội đồng xét xử chưa giải quyết tài sản riêng, tài sản chung, công sức, công công nợ chung. Giành quyền khởi kiện bằng vụ án khác giải quyết tài sản riêng, tài sản chung và công nợ chung sau ly hôn cho chị V sau này nếu có yêu cầu.

2.4. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Vũ Văn T đối với chị Nguyễn Thị V.

2. Cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

3. Con chung: Có 02 con chung. Giao cho anh Vũ Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, cháu Vũ Thị Thu Gi, sinh ngày 10/6/2012 và cháu Vũ Trường S, sinh ngày 11/01/2014 cho đến khi hai cháu Gi và S tròn, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V cho đến khi anh T có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Chị V được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Chưa giải quyết.

5. Án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số: 0014022 ngày 18 tháng 03 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B V. Nay khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí vào khoản tiền án phí anh T phải nộp.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dânsự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tựnguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hànhán theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành ánđược thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- *TANDTPHà Nội*
- *VKS huyện B V*
- *THA B V*
- *UBND xã B Tr*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Thưởng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTPHà Nội

- VKS huyện B V

- THA B V

- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Thưởng

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- *TANDTPHà Nội*

- VKS huyện B V

- THA B V

- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Thưởng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA